

Tỉnh thành: Thái Nguyên (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S20-00069	TNg-0273	Tàu Hút Cát	Lê Đức Cường	X Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00076/09S20
2	S20-00070	TNg-0276	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Tiến	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00077/09S20
3	S20-00071	TNg-0269	Tàu Hút Cát	Vũ Đình An	Xóm Độc Lây, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00078/09S20
4	S20-00072	TNg-0277	Tàu Hút Cát	Nguyễn thị Hiền	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00172/10S20
5	S20-00073	TNg-0278	Tàu Hút Cát	Nguyễn thị Hiền	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00173/10S20
6	S20-00074	TNg-0267	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Đông	Xóm Độc Lây, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00081/09S20
7	S20-00075	TNg-0274	Tàu Hút cát	Nguyễn Văn Độ	Xóm Độc Lây, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00082/09S20
8	S20-00076	TNg-0271	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Độ	Xóm Độc Lây, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00083/09S20
9	S20-00077	TNg-0280	Tàu Hút Cát	Nguyễn văn Sỹ	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00084/09S20
10	S20-00078	TNg-0289	Tàu Hút Cát	Trần văn Tự	Xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00085/09S20
11	S20-00079	TNg-0287	Tàu Hút Cát	Nguyễn văn bầy	Xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00086/09S20
12	S20-00080	TNg-0288	Tàu Hút Cát	Ngô văn Ngọ	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00087/09S20
13	S20-00082	TNg-0292	Tàu Hút Cát	Ngô Thái Hải	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00089/09S20
14	S20-00083	TNg-0281	Tàu Hút Cát	Tạ văn Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00090/09S20
15	S20-00084	TNg-0285	Tàu Hút Cát	Trương văn Phi	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00091/09S20
16	S20-00085	TNg-0284	Tàu Hút Cát	Trần và Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00092/09S20
17	S20-00086	TNg-0291	Tàu Hút Cát	Trần văn An	Xã Bộc Nhiều, Huyện Định Hoá	19/07/2009	19/07/2010	00093/09S20
18	S20-00088	TNg-0290	Tàu Hút Cát	Trần và Bằng	Xã Bộc Nhiều, Huyện Định Hoá	19/07/2009	19/07/2010	00095/09S20
19	S20-00089	TNg-0286	Tàu Hút Cát	Nguyễn văn Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00096/09S20

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20	S20-00090	TNg-0283	Tàu Hút Cát	Trương văn Bảy	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00097/09S20
21	S20-00091	TNg-0282	Tàu Hút Cát	Ngô Thanh Sơn	Xã tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00098/09S20
22	S20-00094	TNg-0293	Tàu Hút Cát	Nguyễn Đức Dương	Xã Khôi Kỳ, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00101/09S20
23	S20-00095	TNg-0270	Tàu Hút Cát	Bùi đắc Chương	Xóm Độc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00102/09S20
24	S20-00096	TNg-0268	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Nghiệp	Xóm Độc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00103/09S20
25	S20-00097	TNg-0272	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Nghiệp	Xóm Độc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00104/09S20
26	S20-00098	TNg-0279	Tàu Hút Cát	Bùi Xuân Thường	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00105/09S20
27	S20-00217		Huyền Thoại	Nguyễn Văn Độ	Xóm Khuôn Năm,Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	23/06/2011	23/06/2012	00263/11V37

Tỉnh thành: Thái Nguyên (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHČ	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S20-00001	TNg-0063	Đồ ngang	Trần Vĩnh Liên	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	03/12/2010	03/06/2011	00211/10S20
2	S20-00002	TNg-0141	Thuyền Vở tôn	Đỗ Đức Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/05/2010	24/05/2011	00171/10S20
3	S20-00003	TNg-0153	Thuyền vở tôn	Trần Văn Hải	Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá	01/05/2008	01/05/2009	00003/08S20
4	S20-00004	TNg-0155	Thuyền vở tôn	Lê Thị Tâm	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00169/10S20
5	S20-00005	TNg-0158	Thuyền vở tôn	Nguyễn Thị Hiền	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00167/10S20
6	S20-00006	TNg-0159	Thuyền vở tôn	Bùi Thị Ngoi	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00168/10S20
7	S20-00007	TNg-0165	Thuyền vở tôn	Vũ Đình Du	Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	01/05/2008	01/05/2009	00007/08S20
8	S20-00008	TNg-0166	Thuyền vở tôn	Nguyễn Văn Chương	Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	01/05/2008	01/05/2009	00008/08S20
9	S20-00009	TNg-0177	Đồ ngang	Lê Văn Quynh	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/06/2012	00216/11S20
10	S20-00010	TNg-0178	Đồ ngang	Nguyễn Văn Sự	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	03/12/2010	03/06/2011	00210/10S20
11	S20-00011	TNg-0179	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Cương	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00147/10S20
12	S20-00012	TNg-0180	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Hùng	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00146/10S20
13	S20-00013	TNg-0181	Thuyền chở cát	Trần Văn Bấy	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	01/05/2008	01/11/2008	00013/08S20
14	S20-00014	TNg-0182	Thuyền Chở cát	Trần Văn Bát	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00145/10S20
15	S20-00016	TNg-0184	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Lư	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00151/10S20
16	S20-00017	TNg-0185	Thuyền chở cát	Trần Văn Hoà	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00153/10S20
17	S20-00018	TNg-0186	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00150/10S20
18	S20-00019	TNg-0187	Thuyền chở cát	Trần Văn Tiên	Xã Trung Thành, H. Phổ Yên, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00154/10S20
19	S20-00020	TNg-0188	Thuyền chở cát	Lê Văn Hoạt	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00159/10S20

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20	S20-00021	TNg-0189	Thuyền chở cát	Lê Văn Xuyến	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00152/10S20
21	S20-00022	TNg-0190	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Tiến	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00156/10S20
22	S20-00023	TNg-0191	Thuyền chở cát	Trần Văn Thuỷ A	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00157/10S20
23	S20-00024	TNg-0192	Thuyền chở cát	Trần Văn Thuỷ B	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00161/10S20
24	S20-00025	TNg-0193	Thuyền chở cát	Lê Xuân Mạnh	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00155/10S20
25	S20-00026	TNg-0194	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Minh	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00160/10S20
26	S20-00027	TNg-0195	Thuyền chở cát	Trần Đức Thiện	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00162/10S20
27	S20-00028	TNg-0196	Thuyền chở cát	Trần Sông Hoà	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00149/10S20
28	S20-00029	TNg-0197	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Khang	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00163/10S20
29	S20-00030	TNg-0198	Thuyền trở cát	Nguyễn Văn Hiệu	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00158/10S20
30	S20-00031	TNg-0071	Thuyền vỏ tôn	Tạ Văn Tuyên	Phường Hương Sơn, Thành phố Thái Nguyên	20/05/2009	20/05/2010	00070/09S20
31	S20-00032	TNg-0121	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Hùng	Xã Tân Thái, H.Đại Từ, Thành phố Thái Nguyên	06/08/2009	06/08/2010	00111/09S20
32	S20-00033	TNg-0122	Thuyền vỏ tôn	Bùi Đức Quý	Xã Tân Thái, H.Đại Từ, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00110/09S20
33	S20-00034	TNg-0123	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00109/09S20
34	S20-00035	TNg-0138	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Nhường	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00108/09S20
35	S20-00036	TNg-0151	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Hiệp	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00107/09S20
36	S20-00037	TNg-0208	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Thái	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/05/2008	19/05/2009	00037/08S20
37	S20-00038	TNg-0112	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Đức	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/05/2008	19/05/2009	00038/08S20
38	S20-00039	TNg-0115	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Thành	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00106/09S20
39	S20-00040	TNg-0070	Đò ngang vỏ tôn	Hà Phương Đông	X.Đồng Liên, Huyện Phú Bình	22/05/2009	22/05/2010	00071/09S20
40	S20-00041	TNg-0258	Đò Ngang	Nguyễn Văn cải	Xã Đào xá, Huyện Phú Bình	27/05/2008	27/05/2009	00041/08S20
41	S20-00042	TNg-0257	Đò Ngang	Cao Duy Nguyên	Xã Đào Xá, Huyện Phú Bình	19/07/2010	19/07/2011	00197/10S20

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
42	S20-00043	TNg-0243	Đò Ngang Chở Khách	Hoàng Văn Dân	X.Tiên Phong, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/12/2011	00214/11S20
43	S20-00044	TNg-0053	Đò ngang chở người	Lê Văn Chiến	X.Đồng Cao, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/06/2012	00215/11S20
44	S20-00046	TNg-0080	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	01/09/2010	01/09/2011	00199/09S20
45	S20-00047	TNg-0081	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	26/08/2009	26/08/2010	00118/09S20
46	S20-00048	TNg-0082	Xuồng máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/07/2011	18/07/2012	00218/11S20
47	S20-00050	TNg-0087	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	26/08/2009	26/08/2010	00121/09S20
48	S20-00051	TNg-0088	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	01/09/2010	01/09/2011	00198/09S20
49	S20-00055	Tng-0040	Thuyền vỏ tôn	Trung tâm giáo dục xã hội 05-06 Thái Nguyên	P.Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên	18/10/2010	18/10/2011	00207/10S20
50	S20-00058	TNg-0260	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Trường	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00058/08S20
51	S20-00059	TNg-0261	Thuyền Khai thác cát	Nguyễn Văn Đức	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00059/08S20
52	S20-00060	TNg-0262	Thuyền khai thác cát	Nguyễn Văn Đông	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00060/08S20
53	S20-00061	TNg-0263	Thuyền khai thác cát	Phạm Văn Hải	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00061/08S20
54	S20-00062	TNg-0264	Thuyền khai thác cát	Đặng Văn Cường	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/05/2010	18/05/2011	00164/10S20
55	S20-00063	TNg-0048	đò Ngang	Vũ Ngọc Sơn	X.Minh Lập, Huyện Đồng Hỷ	18/07/2011	18/07/2012	00220/11S20
56	S20-00064	TNg-0049	Đò Ngang	Công Ty Cổ Phần Tư Tầm Bao Bì Thái Nguyên	X.Minh Lập, Huyện Đồng Hỷ	18/07/2011	18/07/2012	00219/11S20
57	S20-00065	TNg-0218	Đò Ngang	Lưu Văn Lắm	X.Vô Tranh, Huyện Phú Lương	18/07/2011	18/07/2012	00221/11S20
58	S20-00066	TNg-0258	Đò Ngang	Lê Đình Tâm	X.Lương Sơn, Thành phố Thái Nguyên	27/03/2009	27/03/2010	00069/09S20
59	S20-00067	TNg-0275	Tàu Hút Cát	Phạm Ngọc Huân	X.Hồng Thái, X.Tân Cương, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00166/10S20
60	S20-00068	TNg-0266	Đò ngang	Trương Văn Hương	X.Cao Ngạn, TP.Thái Nguyên,TN, Thành phố Thái Nguyên	30/06/2009	30/06/2010	00073/09S20
61	S20-00070	TNg-0276	Tàu Hút Cát	Nguyễn Văn Tiến	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00170/10S20
62	S20-00078	TNg-0162	Thuyền Khai Thác Cát	Lê Đức Cường	Xã Phúc Trìu, TP, Thái Nguyên, Huyện Đại Từ	18/05/2010	18/05/2011	00165/10S20
63	S20-00091	TNg-0139	Thuyền Vỏ Tôn	Trần văn Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/10/2010	18/10/2011	00208/10S20

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
64	S20-00099	TNg-0201	Thuyền Vô Tôn	Đỗ Ngọc Sơn	X.Tân Thái, H.Đại Từ,TN, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00112/09S20
65	S20-00101	TNg-0103	Thuyền Khách	Nguyễn Văn Sáu	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00129/09S20
66	S20-00102	TNg-0106	Thuyền Khách	Trần Văn Hội	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00130/09S20
67	S20-00103	TNg-0105	Thuyền Khách	Lê Văn Thà	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00131/09S20
68	S20-00104	TNg-0108	Thuyền Khách	Trần văn Hoà	Xã Ký Phú, H. Đại từ, Tỉnh TN, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00132/09S20
69	S20-00105	TNg-0110	Thuyền Khách	Lê văn Khiêm	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00133/09S20
70	S20-00106	TNg-0221	Đò Ngang	Trần văn Đăng	Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00134/09S20
71	S20-00107	TNg-0222	Đò Ngang	Nguyễn xuân Nghĩa	Bến Phú Nam 7, Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00135/09S20
72	S20-00108	TNg-0223	Đò Ngang	Nguyễn văn Cường	Bến Đò Phú Nam 6, Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00136/09S20
73	S20-00110	TNg-0109	Thuyền Khách	Ngô Văn Đường	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00141/09S20
74	S20-00112	TNg-0231	Tàu Công Trình	Hầu Thị Hôn	Phú Đô, Huyện Phú Lương	01/07/2010	01/07/2011	00177/10S20
75	S20-00113	TNg-0232	Thuyền Vô Tôn	Hầu Thị Hôn	Phú Đô, Huyện Phú Lương	01/07/2010	01/07/2011	00178/10S20
76	S20-00114	TNg-0225	Tàu Công Trình	Ngô Khắc Hiển	Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên	01/07/2010	01/07/2011	00179/10S20
77	S20-00115	TNg-0226	Thuyền Vô Tôn	Ngô khắc Hiển	Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên	01/07/2010	01/07/2011	00180/10S20
78	S20-00116	TNg-0224	Tàu Công Trình	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00181/10S20
79	S20-00117	TNg-0215	Tàu Công Trình	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00182/10S20
80	S20-00118	TNg-0237	Thuyền vô Tôn	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00183/10S20
81	S20-00119	TNg-0238	Thuyền vô Tôn	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00184/10S20
82	S20-00120	TNg-0299	Xuồng công tác HA450B	Thanh tra sở giao thông vận tải thái nguyên	quang trung, Thành phố Thái Nguyên	16/02/2011	16/02/2012	00212/11S20
83	S20-00121	TNg-0300	Đò ngang sông	Phó văn Lâm	Mình Đức, Huyện Phổ Yên	27/05/2011	27/05/2012	00213/11S20
84	S20-00122	TNg-0386	Xuồng công tác	Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ Hồ núi Cốc	, Thành phố Thái Nguyên	16/08/2011	16/08/2012	00222/11S20
85	S20-00149	TNg-0209	Tàu Công Trình	Nguyễn văn Chuyển	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00187/10S20

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
86	S20-00150	TNg-0210	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Chuyển	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00188/10S20
87	S20-00151	TNg-0211	Tàu Công Trình	Phạm Văn Kết	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00189/10S20
88	S20-00152	TNg-0212	Thuyền Vỏ Tôn	Phạm Văn Kết	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00190/10S20
89	S20-00153	TNg-0213	Tàu Công Trình	Nguyễn Văn Tuất	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00191/10S20
90	S20-00154	TNg-0214	Thuyền Vỏ Tôn	Nguyễn Văn Tuất	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00192/10S20
91	S20-00155	TNg-0216	Tàu Công Trình	Nguyễn Văn Văn	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00193/10S20
92	S20-00156	TNg-0220	Thuyền Vỏ Tôn	Nguyễn Văn Văn	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00194/10S20
93	S20-00157	TNg-0217	Thuyền Vỏ Tôn	Trần Văn Kiên	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00195/10S20
94	S20-00158	TNg-0219	Thuyền Vỏ Tôn	Trần Văn Kiên	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00196/10S20
95	S20-00203		Đò ngang	Lê Văn Khu	Xóm Soi, xã Đông Cao, Huyện Phổ Yên	31/03/2015	31/03/2016	00028/15S99
96	S20-01113	TNg-	DTQG 66-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01113/08S20
97	S20-01114	TNg-	DTQG 67-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01114/08S20
98	S20-01115	TNg-	DTQG 68-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01115/08S20
99	S20-01116	TNg-	DTQG 69-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01116/08S20
100	S20-01117	TNg-	DTQG 70-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01117/08S20

(Tính đến ngày 30 tháng 04 năm 2017)

Tỉnh thành: Thái Nguyên (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S20-00217		Huyền Thoại	Nguyễn Văn Độ	Xóm Khuôn Năm,Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	23/06/2011	23/06/2012	00263/11V37